

Bản án số: 71/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06-5-2026
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Nhất.

Bà Thân Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 100/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đồng Văn Bi H, sinh ngày 16/8/1991. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Căn cước công dân số: 024091020873

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường B, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Ngọc Thùy D, sinh ngày 13/6/1992. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Căn cước công dân số: 024192009994

Nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố N, phường B, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi ở hiện nay: Tykocińska 30 03-545 Warsaw, P.

- Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của chị Nguyễn Ngọc Thùy D: Chị Nguyễn Ngọc Hà G, sinh năm 1986. Địa chỉ: TDP số C, phường V, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh Đồng Văn B H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 14/12/2012, anh và chị Nguyễn Ngọc Thùy D đăng ký kết hôn tại UBND phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là: UBND phường B, tỉnh Bắc Ninh). Việc kết hôn được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự do yêu đương và được ghi vào sổ đăng ký kết hôn của UBND xã X, thành phố B số 69/2012, quyển số 01/2012. Sau khi đăng ký kết hôn, anh chị chuyển về sinh sống tại thôn N, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là Tổ dân phố N, phường B, tỉnh Bắc Ninh).

Thời gian đầu, anh chị chung sống hạnh phúc và có ba con chung là cháu Đồng Minh A, sinh ngày 06/12/2013; cháu Đồng Minh A1, sinh ngày 21/04/2017 và cháu Đồng Minh K, sinh ngày 26/02/2020.

Tuy nhiên, đến khoảng cuối năm 2025, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng khiến cho cuộc sống vợ chồng luôn luôn căng thẳng và áp lực; mâu thuẫn vợ chồng vì thế thực sự trầm trọng, bản thân anh không muốn sống chung và duy trì quan hệ hôn nhân không có hạnh phúc nữa. Mặc dù, đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện, tình cảm vợ chồng đã thực sự rạn nứt, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về cách sống và quan điểm sống.

Đến nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, sau khi suy nghĩ kỹ anh đã quyết định ly hôn để giải phóng cho cả hai khỏi cuộc hôn nhân không có hạnh phúc.

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh, giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc Thùy D.

- Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Đồng Minh A, sinh ngày 06/12/2013; cháu Đồng Minh A1, sinh ngày 21/04/2017 và cháu Đồng Minh K, sinh ngày 26/02/2020. Hiện nay cả ba cháu đều đang ở với anh, do anh trực tiếp nuôi dạy, chăm sóc. Vì chị Nguyễn Ngọc Thùy D hiện đang đi lao động tại P nên anh là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các cháu. Hàng ngày, anh thường xuyên phải đưa đón các cháu đi học và đón các cháu đi về.

Khi Tòa án giải quyết cho anh và chị Nguyễn Ngọc Thùy D ly hôn, đề nghị Tòa án giao cháu Đồng Minh A, cháu Đồng Minh A1, cháu Đồng Minh K cho anh trực tiếp nuôi dưỡng con chung để các cháu Đồng Minh A, cháu Đồng Minh A1, cháu Đồng Minh K được nhận sự chăm sóc, nuôi dưỡng tốt nhất, đảm bảo cho các cháu có môi trường và điều kiện sống tốt nhất vì sự phát triển bình thường về thể chất và tâm lý của các cháu.

Hiện nay, anh có chỗ ở và nghề nghiệp, công việc ổn định với thu nhập khoảng 30.000.000đ/ tháng nên anh có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung trong điều kiện phát triển tốt. Trong khi tuổi các cháu còn nhỏ thì sự thay đổi về người chăm sóc và môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về thể chất và tâm lý của cháu. Đồng thời, các cháu đều có nguyện vọng muốn được ở cùng với anh và hiện nay chị D đang ở nước ngoài nên việc giao con chung cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là không đảm bảo.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng anh sẽ tự thỏa thuận, trường hợp không tự thỏa thuận được sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau.

** Tại Bản tự khai bị đơn là chị Nguyễn Ngọc Thùy D trình bày:*

Chị hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Đồng Văn Bi H. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về quan hệ vợ chồng: Ngày 14/12/2012, chị và anh Đồng Văn B H đăng ký kết hôn tại UBND phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là: UBND phường B, tỉnh Bắc Ninh). Việc kết hôn được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự do yêu đương và được ghi vào sổ đăng ký kết hôn của UBND phường X, thành phố B số 69/2012, quyển số 01/2012. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc và có ba con chung là cháu Đồng Minh A, sinh ngày 06/12/2013; cháu Đồng Minh A1, sinh ngày 21/04/2017 và cháu Đồng Minh K, sinh ngày 26/02/2020.

Đến khoảng cuối năm 2025, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng khiến cho cuộc sống vợ chồng luôn luôn căng thẳng và áp lực; bản thân chị không muốn sống chung và duy trì quan hệ hôn nhân không có hạnh phúc nữa. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, sau khi suy nghĩ kỹ chị đã quyết định ly hôn để giải phóng cho cả hai khỏi cuộc hôn nhân không có hạnh phúc.

Đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đồng Văn Bi H, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đồng Văn Bi H.

- Về con chung: Vợ chồng chị có ba con chung là cháu Đồng Minh A, sinh ngày 06/12/2013; cháu Đồng Minh A1, sinh ngày 21/04/2017 và cháu Đồng Minh K, sinh ngày 26/02/2020. Hiện nay cả ba cháu đều đang ở với anh H, do anh H trực tiếp nuôi dạy, chăm sóc. Khi Toà án giải quyết cho chị và anh Đồng Văn B H ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu Đồng Minh A, cháu Đồng Minh A1, cháu Đồng Minh K cho anh Đồng Văn B H trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay, chị đang đi xuất khẩu lao động tại P nên chị không có điều kiện trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị cũng đồng ý với quan điểm của anh H về việc không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị cũng đồng ý với quan điểm của anh H về việc hai bên sẽ tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại bản trình bày của cháu Đồng Minh A, cháu Đồng M A1 cùng trình bày: Các cháu hiện nay đang ở cùng bố H. Bố Hoàng là người trực tiếp nuôi dạy, chăm sóc, yêu thương và chăm lo chu đáo từ giấc ăn, giấc ngủ đến việc học hành cho các cháu. Các cháu đều có nguyện vọng ở cùng bố H.

Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua chị Nguyễn Ngọc Hà G, sinh năm 1986; địa chỉ: TDP số C, phường V, tỉnh Bắc Ninh, chị G có trình bày như sau: Chị là chị gái ruột của chị Nguyễn Ngọc Thùy D, chị D hiện nay đang đi làm ăn tại Ba Lan (P), chị D có biết anh H làm đơn đề nghị ly hôn với chị D tại TAND khu vực 1 – Bắc Ninh. Đối với yêu cầu của anh H thì chị D xác định vợ chồng có mâu thuẫn do vậy chị D có ý kiến nhất trí ly hôn với anh H và giao các con chung cho anh H chăm sóc do chị D hiện nay đang đi làm ăn xa nhà.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Đồng Văn Bi H, bị đơn là chị Nguyễn Ngọc Thùy D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đồng Văn Bi H được ly hôn chị Nguyễn Ngọc Thùy D.

2. Về con chung: Giao các con chung là cháu Đồng Minh A, sinh ngày 06/12/2013; cháu Đồng Minh A1, sinh ngày 21/04/2017 và cháu Đồng Minh K, sinh ngày 26/02/2020 cho anh Đồng Văn B H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Về cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Đồng Văn Bi H và chị Nguyễn Ngọc Thùy D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đồng Văn Bi H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Đồng Văn B H đang sinh sống tại phường B có đơn xin ly hôn đối với chị Nguyễn

Ngọc Thùy D hiện đang sống và làm việc tại nước ngoài. Chị D có hộ khẩu tại Tổ dân phố N, phường B, tỉnh Bắc Ninh. Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình và điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn anh Đồng Văn Bi H, bị đơn chị Nguyễn Ngọc Thùy D đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H và chị D.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị D là hợp pháp có được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 14/12/2012 tại UBND xã X, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (nay là UBND phường B, tỉnh Bắc Ninh), việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Hiện anh H và chị D mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Cả anh H và chị D đều có nguyện vọng được giải quyết ly hôn. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng anh H và chị D đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56, Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết 01/2024/HĐTP ngày 16/05/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên xử cho anh H được ly hôn với chị D.

[4]. Về con chung: Anh Đồng Văn Bi H và chị Nguyễn Ngọc Thùy D có ba con chung là cháu Đồng Minh A, sinh ngày 06/12/2013; cháu Đồng Minh A1, sinh ngày 21/04/2017 và cháu Đồng Minh K, sinh ngày 26/02/2020. Hiện nay các con chung đều đang ở cùng anh H. Chị D hiện đang sinh sống và lao động tại nước ngoài nên không đủ điều kiện nuôi con, cháu Minh A, cháu Minh A1 đều có nguyện vọng ở cùng anh H. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đồng Minh A, cháu Đồng Minh A1, cháu Đồng Minh K. Về cấp dưỡng nuôi con anh H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Ngọc Thùy D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Đồng Văn Bi H và chị Nguyễn Ngọc Thùy D có quyền làm đơn đề nghị giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con anh Đồng Văn Bi H và chị Nguyễn Ngọc Thùy D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Anh Đồng Văn Bi H và chị Nguyễn Ngọc Thùy D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Đồng Văn Bi H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280; Điều 469 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đồng Văn Bi H được ly hôn chị Nguyễn Ngọc Thùy D.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đồng Minh A, sinh ngày 06/12/2013; cháu Đồng Minh A1, sinh ngày 21/04/2017 và cháu Đồng Minh K, sinh ngày 26/02/2020 cho anh Đồng Văn B H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh Đồng Văn Bi H và chị Nguyễn Ngọc Thùy D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Đồng Văn Bi H và chị Nguyễn Ngọc Thùy D có quyền làm đơn đề nghị giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Anh Đồng Văn Bi H và chị Nguyễn Ngọc Thùy D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đồng Văn Bi H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001291 ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận anh Đồng Văn Bi H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn anh Đồng Văn Bi H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

- Bị đơn chị Nguyễn Ngọc Thùy D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 1- Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 1 – Bắc Ninh;
- UBND phường Bắc Giang, tỉnh Bắc

Ninh

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Lê Thu Hà